



CK.0000065374

N.F. HEGEL

**BÁCH KHOA THU
CÁC KHOA HỌC
TRIẾT HỌC**

TẬP I

KHOA HỌC LÔGÍCH

(Sách tham khảo)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**Biên mục trên xuất bản phẩm của
Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Hegel, Georg Wilhelm Friedrich

Bách khoa thư các khoa học triết học : Sách tham khảo / G.
W. F. Hegel ; Phạm Chiến Khu dịch. - H. : Chính trị Quốc gia. -
21cm

T.1: Khoa học lôgic. - 2013. - 592tr.

1. Logic 2. Triết học 3. Sách tham khảo

160 - dc14

CTB0161p-CIP

1

Mã số: _____

CTQG - 2013

**BÁCH KHOA THƯ
CÁC KHOA HỌC
TRIẾT HỌC**

TẬP I

KHOA HỌC LÔGÍCH

 G.W.F. HEGEL 

BÁCH KHOA THU
CÁC KHOA HỌC
TRIẾT HỌC
TẬP I
KHOA HỌC LÔGÍCH

(Sách tham khảo)

 NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2013 

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770 - 1831), nhà triết học duy tâm khách quan, đại biểu xuất sắc của triết học cổ điển Đức. Triết học của Hegel có ảnh hưởng rất lớn không chỉ đối với các triết gia cùng thời với ông, trong đó có Các Mác, mà còn ngay cả đối với tất cả các trường phái triết học sau này và hiện nay.

Bách khoa thư các khoa học triết học. Tập I. Khoa học lôgích thường được gọi là *Tiểu lôgích học* vì nó là tóm lược của cuốn *Đại lôgích học. Bách khoa thư các khoa học triết học. Tập I. Khoa học lôgích* là phần thứ nhất trong ba phần của bộ *Bách khoa thư các khoa học triết học* của Hegel. Hai phần còn lại là *Triết học về tự nhiên* và *Triết học về tinh thần*.

Bách khoa thư các khoa học triết học. Tập I. Khoa học lôgích là tác phẩm chuyên ngành có nội dung rất khó. Tuy nhiên, đây lại là tác phẩm quan trọng nhất, giúp chúng ta dễ dàng hơn trong việc tiếp cận với *Đại lôgích học*. Nếu không hiểu được *Tiểu lôgích học* hoặc *Đại lôgích học*, chúng ta sẽ khó lòng hiểu được các tác phẩm triết học khác, hay hệ thống triết học của Hegel.

Bách khoa thư các khoa học triết học. Tập I. Khoa học lôgích là tác phẩm rất lý thú vì ở đây, Hegel trình bày quy luật vận động và phát triển của thế giới dưới ba cấp độ: lôgích hình thức, lôgích biện chứng và lôgích siêu biện. Lôgích siêu biện, theo Hegel, không loại trừ lôgích hình thức và lôgích biện chứng mà chứa đựng chúng dưới dạng bị "lột xác", nghĩa là dưới dạng bị lột bỏ các giới hạn.

Nhằm cung cấp thêm cho bạn đọc tài liệu nghiên cứu về triết học và lôgích học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn *Bách khoa thư các khoa học triết học. Tập I. Khoa học lôgích* do Tiến sĩ Tâm lý học, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Dư luận xã hội Ban Tuyên giáo Trung ương Phạm Chiến Khu dịch và hiệu đính từ bản tiếng Nga, xuất bản năm 1974 tại Mátxcova (*Энциклопедия философских наук. Т. 1. Наука логики*).

Việc chuyển ngữ các tác phẩm triết học của Hegel, nhất là *Bách khoa thư các khoa học triết học. Tập I. Khoa học lôgích* là một công việc khá khó khăn đối với các dịch giả Việt Nam vì nó đòi hỏi không chỉ sự am hiểu nội dung tác phẩm mà còn là khả năng kế thừa và phát triển các thuật ngữ triết học của Hegel đã được dịch ra tiếng Việt lâu nay bởi các dịch giả Việt Nam. Do đó bản dịch khó tránh khỏi sơ suất và thiếu sót.

Rất mong bạn đọc lượng thứ và góp ý kiến để lần xuất bản sau hoàn thiện hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 2013

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Mục lục

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Mấy lời nói đầu của người dịch | 11 |
| Lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất | 17 |
| Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai | 21 |
| Lời tựa cho lần xuất bản thứ ba | 49 |
| Bài phát biểu của Hegel tại buổi lễ khai mạc khóa giảng tại Berlin 22 tháng Mười 1818 | 59 |
| Dẫn nhập | 67 |
| Tập I | |
| KHOA HỌC LÔGÍCH | 99 |
| Khái niệm sơ bộ | 101 |
| A. Thái độ thứ nhất của tư tưởng đối với tính khách quan. Siêu hình học | 142 |
| B. Thái độ thứ hai của tư tưởng đối với tính khách quan | 165 |
| I. Chủ nghĩa duy nghiệm | 165 |
| II. Triết học phê phán | 173 |
| C. Thái độ thứ ba của tư tưởng đối với tính khách quan | 223 |
| Tri thức trực tiếp | 223 |
| Quy định tiếp theo của lôgích học và sự phân chia nó | 249 |

| | |
|---|-----|
| Phần thứ nhất. Học thuyết về tồn tại | 268 |
| A. Chất | 270 |
| a. Tồn tại | 270 |
| b. Tồn tại hiện có | 286 |
| c. Tồn tại vì mình | 301 |
| B. Lượng | 310 |
| a. Lượng thuần khiết | 310 |
| b. Lượng xác định | 317 |
| c. Bậc | 320 |
| C. Độ | 333 |
| Phần thứ hai. Học thuyết về bản chất | 342 |
| A. Bản chất như là căn cứ của sinh tồn | 350 |
| a. Các quy định phân chiếu thuần khiết | 350 |
| 1) Sự đồng nhất | 350 |
| 2) Sự khác biệt | 354 |
| 3) Căn cứ | 368 |
| b. Sinh tồn | 377 |
| c. Sự vật [vật] | 381 |
| B. Hiện tượng | 390 |
| a. Thế giới hiện tượng | 393 |
| b. Nội dung và hình thức | 394 |
| c. Mối quan hệ | 399 |
| C. Hiện thực | 417 |
| a. Quan hệ thực thể | 441 |
| b. Quan hệ nhân quả | 446 |
| c. Tác động qua lại | 451 |

| | |
|---|------------|
| Phần thứ ba. Học thuyết về khái niệm | 461 |
| A. Khái niệm chủ quan | 467 |
| a. Khái niệm như là khái niệm [nói chung] | 467 |
| b. Phán định | 475 |
| 1) Phán định về chất | 485 |
| 2) Phán định phản chiếu | 490 |
| 3) Phán định tất yếu | 494 |
| 4) Phán định khái niệm | 497 |
| c. Suy lý | 499 |
| 1) Suy lý về chất | 503 |
| 2) Suy lý phản chiếu | 513 |
| 3) Suy lý tất yếu | 517 |
| B. Khách thể | 526 |
| a. Cơ giới luận | 529 |
| b. Hóa học luận | 536 |
| c. Mục đích luận | 540 |
| C. Ý niệm | 552 |
| a. Sự sống | 560 |
| b. Nhận thức | 566 |
| 1) Nhận thức | 569 |
| 2) Ý chí | 579 |
| c. Ý niệm tuyệt đối | 582 |